

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241 /2019/DS-PT

Ngày: 23 - 8 - 2019

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Ông Nguyễn Song Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 07 năm 2019 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2019/DS-ST ngày 10/5/2019, của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Nguyễn Tài M, sinh năm: 1973 (có mặt).

2. Cao Thị Thu T, sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: số Z, phường K, thành phố G, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Nguyễn Kim H, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Tài L, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

2. Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

4. Trần Văn M, sinh năm: 1977 (vắng mặt).
 5. Trần Thành A, sinh năm: 1999 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp X, xã N, huyện E, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn Nguyễn Tài M, Cao Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T trình bày:

Vợ chồng anh chị là chủ sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 170m² thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02590/QSDĐ do UBND huyện F, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ anh M vào ngày 24/6/2003.

Vào năm 2012 vợ chồng anh M và chị T đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho anh Nguyễn Kim H để vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng. Vợ chồng anh M và chị T đã đóng lãi được một thời gian thì không có tiền đóng tiếp nên thỏa thuận bán diện tích đất 116m² đã thế chấp và căn nhà tường xây trên đất cho anh H với giá là 160.000.000 đồng. Từ ngày nhận đất anh H đã chiếm luôn phần diện tích còn lại của thửa 3142 là 54m² thuộc quyền sử dụng của anh chị và xây hàng rào bao quanh toàn bộ khu đất. Anh M, chị T có gởi đơn đến UBND xã giải quyết nhưng không thành.

Nay anh M, chị T yêu cầu anh H trả lại cho anh M và chị T phần diện tích đất 54m² (đo đạc thực tế là 48,6m²) thửa 3142, tọa lạc ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn Nguyễn Kim H trình bày:

Vào năm 2011 anh H có nhận chuyển nhượng của anh M và chị T toàn bộ phần diện tích đất 116,5m² thuộc thửa 3615 và căn nhà cấp 4 xây trên đất tọa lạc ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang và anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/11/2013.

Khi mua nhà và đất của chị T, anh M, hai bên có làm hợp đồng công chứng và lúc tiến hành làm thủ tục sang tên do lâu quá nên anh H không nhớ là có đo đạc hay không. Anh M và chị T đã giao nhà và đất cho anh H sử dụng từ năm 2011, lúc giao nhà cho anh thì anh M và chị T chỉ ranh đất cho anh sử dụng là từ mí hàng rào mà anh đã xây như hiện trạng hiện nay.

Nay anh H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì từ lúc anh mua nhà đất sử dụng cho đến nay anh M và chị T không có ý kiến không tranh chấp gì, anh M và chị T chỉ ranh đất tới đâu thì anh sử dụng tới đó, anh không có lấn đất của nguyên đơn.

Nay do Nhà nước đền bù đường dây điện cao thế đi ngang qua thì anh M, chị T mới khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại căn nhà xây trên thửa đất 3615 anh có cho gia đình anh M, chị T và anh A thuê từ đầu năm 2017 cho đến nay.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tài L, Nguyễn Ngọc C có đơn xin vắng mặt và trình bày thống nhất: Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T, không có ý kiến gì thêm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn M, Trần Thành A có đơn xin vắng mặt và trình bày thống nhất:

Gia đình chị T, anh M và anh A hiện đang thuê căn nhà của anh H trên thửa đất 3615. Nay chị Thu T, anh M và anh H có tranh chấp thì chị T, anh M và anh A không có ý kiến gì.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 26, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T.

1. Buộc anh Nguyễn Kim H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T số tiền 49.522.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng), giá trị quyền sử dụng đất diện tích 53,5m², đo đạc thực tế là 48,6m², thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02590 do Ủy ban nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/6/2003 và quyền sở hữu phần căn nhà diện tích 28m² xây trên thửa đất 3142, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, tường xây D10 tô hai mặt, đỡ mái gỗ, mái tole ximăng, nền gạch men. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh M và chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Giao cho anh Nguyễn Kim H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 53,5m² (đo đạc thực tế là 48,6m²), thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02590 do Ủy ban nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/6/2003 và quyền sở hữu phần căn nhà diện tích 28m² xây trên thửa đất 3142, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, tường xây D10 tô hai mặt, đỡ mái gỗ, mái tole ximăng, nền gạch men. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp Trần Văn T;
- Nam giáp Trần Văn T;
- Đông giáp Nguyễn Kim H;
- Tây giáp Trần Văn T.

(Có sơ đồ kèm theo)

Đất và nhà cùng tọa lạc tại ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Kim H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Kim H phải chịu 2.476.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 26451 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/5/2019, nguyên đơn anh Nguyễn Tài M, chị Cao Thị Thu T có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả cho anh M, chị T phần đất diện tích 48,6m² thửa 3142, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, lời trình bày và tranh luận của các đương sự:*

- Anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T yêu cầu buộc anh Nguyễn Kim H trả phần đất diện tích 48,6m², thửa số 3142, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang. Nếu không trả phần đất trên thì anh H trả giá trị đất như bản án sơ thẩm đã xét xử và một khoản tiền mà Nhà nước đền bù thiệt hại khi triển khai đường điện 500 KV đi ngang qua khu vực đất của anh H.

- Anh Nguyễn Kim H cho rằng: Nhà và đất trước đây khi anh mua của anh M, chị T là mua nguyên căn nhà gắn liền với đất; việc anh M, chị T cất nhà lán qua phần đất diện tích 48,6m², thửa số 3142, tờ bản đồ số 01 với diện tích 28m² thì anh không biết. Từ khi anh mua cho đến nay anh không sửa chữa xây dựng bổ sung gì đối với căn nhà, giữ nguyên như hiện trạng lúc mua. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh trả giá trị như vậy là đã thiệt thòi quyền lợi của anh xem như có một phần nhà, đất anh mua 02 lần, nhưng anh thấy gia đình anh M, chị T khó khăn hơn nên đồng ý với quyết định án sơ thẩm, nay nguyên đơn yêu cầu anh trả giá trị phần đất còn lại và tiền bồi thường điện đi qua đất anh là không có căn cứ, cơ sở; anh không chấp nhận.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Trên thửa đất đang tranh chấp số 3142, diện tích 53,5m² (đo đạc thực tế là 48,6m²) có một phần căn nhà xây tường hiện anh H đang quản lý và sử dụng diện tích là 28m². Toàn bộ căn nhà được xây trên hai thửa đất: thửa số 3615 và 01 phần thửa số 3142, dính liền với nhau và không thể tháo dỡ hay di dời, đồng thời thửa đất số 3142 nằm phía sau liền kề thửa số 3615 của anh Nguyễn Kim H và không có lối đi ra đường công cộng. Khi giao nhận nhà, đất chuyển nhượng cho anh H thì anh M, chị T giao toàn bộ căn nhà và đất cho anh H quản lý, sử dụng. Hiện trạng căn nhà vẫn như cũ, anh H không có xây dựng gì thêm. Quá trình sử dụng đất, anh H đã xây hàng rào bao quanh hai thửa đất. Anh M và chị T không cung cấp được chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “Quyền sử dụng đất” là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tài L, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thị T, Trần Văn M, Trần Thành A vắng mặt. Các đương sự không kháng cáo, việc xét xử không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nêu trên, do đó căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lợi, chị C, chị T, anh M và anh A.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thửa đất đang tranh chấp số 3142, diện tích 53,5m² (đo đạc thực tế là 48,6m²) được Ủy ban nhân dân huyện F cấp cho hộ anh Nguyễn Tài M vào ngày 24/6/2003. Trên thửa đất có một phần căn nhà xây tường hiện anh H đang quản lý và sử dụng diện tích là 28m². Toàn bộ căn nhà được xây trên hai thửa đất: thửa số 3615 và 01 phần thửa số 3142. Các bên đương sự thống nhất trình bày toàn bộ căn nhà do anh M và chị T xây dựng từ năm 2003.

Năm 2011, anh M và chị T chuyển nhượng toàn bộ thửa 3615, diện tích đất 116,5m² và 01 căn nhà diện tích 64,86m² cho anh Nguyễn Kim H theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán quyền sở hữu nhà ở ngày 21/4/2011, trong đó phần căn nhà khi anh M và chị T xây dựng đã lấn qua phần diện tích đất còn lại 28m², anh M, chị T xác định không chuyển nhượng phần đất 28 m² này. Các bên mua bán xong anh Nguyễn Kim H đã được UBND huyện F cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01840 ngày 07/11/2013.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, anh M và chị T thừa nhận: Diện tích xây dựng nhà là 92,86m², lớn hơn so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 00278 do UBND huyện F cấp ngày 12/6/2007 cấp cho anh M và chị T. Quá trình xây dựng, anh M và chị T xây lấn qua thửa đất số 3142 diện tích khoảng 28m². Khi giao nhà, đất cho anh H thì anh M, chị T giao toàn bộ căn nhà và đất. Hiện trạng căn nhà vẫn như cũ, anh H không có xây dựng gì thêm từ khi quản lý sử dụng.

Đồng thời các đương sự cũng thống nhất trình bày: Hiện tại 01 phần căn nhà xây trên thửa đất tranh chấp số 3142 dính liền với 01 phần nhà được xây trên thửa số 3615 và không thể tháo dỡ hay di dời; thửa đất số 3142 nằm phía sau liền kề thửa số 3615 của anh Nguyễn Kim H và không có lối đi ra đường công cộng. Anh H đã quản lý sử dụng 02 thửa đất từ năm 2011 cho đến nay và đã xây hàng rào bao quanh hai thửa đất.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy: Anh M và chị T yêu cầu anh H trả lại thửa đất số 3142, diện tích 53,5m², đo đạc thực tế là 48,6m² để anh M và chị T cất nhà để ở là không có tính khả thi vì thực trạng phần diện tích này có 28m² được xây dựng nhà kiên cố, khoảng đất còn lại 20,6m² không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở, giá trị đất 28m² và giá trị xây dựng phần nhà trên 28m² đất như trên tương đương nhau, nếu giao phần 48,6m² đất cho nguyên đơn thì nguyên đơn phải trả giá trị phần nhà ở mà anh H đã mua của anh M, chị T vì khi bán nguyên đơn bán toàn bộ căn nhà. Xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc bị đơn trả phần giá trị đất cho nguyên đơn là hợp tình hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh M và chị T không cung cấp được chứng cứ gì mới. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh M, chị T đòi anh H trả lại phần diện tích đất 53,5m² (đo thực tế 48,6m²) mà chỉ buộc anh H trả lại phần giá trị đất thuộc sở hữu của anh M, chị T là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế hiện trạng của thửa đất hiện nay, cũng như việc quản lý sử dụng đất đai.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, chị T, cần thiết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tài M, chị Cao Thị Thu T không được chấp nhận nên anh M và chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 26, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tài M, chị Cao Thị Thu T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T.

1. Buộc anh Nguyễn Kim H có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T số tiền 49.522.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng), giá trị quyền sử dụng đất diện tích 53,5m², đo đạc thực tế là 48,6m², thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02590 do Ủy ban nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/6/2003 và quyền sở hữu phần căn nhà diện tích 28m² xây trên thửa đất 3142, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, tường xây D10 tô hai mặt, đỡ mái gỗ, mái tole ximăng, nền gạch men. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh M và chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Giao cho anh Nguyễn Kim H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 53,5m² (đo đạc thực tế là 48,6m²), thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02590 do Ủy ban nhân dân huyện F, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 24/6/2003 và quyền sở hữu phần căn nhà diện tích 28m² xây trên thửa đất 3142, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, tường xây D10 tô hai mặt, đỡ mái gỗ, mái tole ximăng, nền gạch men. Thửa đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp Trần Văn T;
- Nam giáp Trần Văn T;
- Đông giáp Nguyễn Kim H;
- Tây giáp Trần Văn T.

(Có sơ đồ kèm theo)

Đất và nhà cùng tọa lạc tại ấp Y, xã B, huyện F, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Kim H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Kim H phải chịu 2.476.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Tài M và chị Cao Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 26451 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Tài M, chị Cao Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh M và chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009799 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện F, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các

điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện F;
 - THADS huyện F;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2019-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp